TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày 15-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt khái.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1968.

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991, trú tại: Khóm 7, thị trấn C, huyện P, tỉnh C là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2022) (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2022 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Trung H trình bày: Vào ngày 08 tháng 10 năm 2015 bà Phạm Thị N có vay của bà Bùi Thị X số tiền 50.000.000 đồng, giữa bà X và bà N thỏa thuận mỗi ngày bà N góp cho bà X 350.000 đồng, trả góp trong 6 tháng. Từ khi nhận tiền đến nay bà N không có trả tiền cho bà X như thỏa thuận. Ông đại diện bà X yêu cầu bà N trả cho bà X số tiền gốc và lãi 63.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 5 năm 2022 bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2015 bà có nhận của bà X số tiền 50.000.000 đồng tiền hụi, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà trả cho bà X 350.000 đồng, thời hạn trả góp 6 tháng. Sau khi nhận tiền bà đã góp cho bà X hàng ngày theo thỏa thuận, tổng số tiền bà đã trả góp cho bà X 50.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà X 13.000.000 đồng tiền lãi. Bà X yêu cầu bà trả số tiền 63.000.000 đồng, bà không đồng ý vì bà đã trả cho bà X số tiền 50.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà X số tiền lãi 13.000.000 đồng. nhưng yêu cầu được trả dần. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2022 bà N cho rằng từ trước đến nay bà không có vay tiền của bà X nên bà X yêu cầu bà trả số tiền 63.000.000 đồng bà không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phạm Thị N.

[3] Tại phiên tòa ông Hoàng Trung H cho rằng bà Phạm Thị N có vay của bà X số tiền 50.000.000 vào năm 2015, bà N thỏa thuận sẽ góp cho bà X mỗi ngày 350.000 đồng, góp trong thời hạn 6 tháng với tổng số tiền gốc và lãi là 63.000.000 đồng, sau khi nhận tiền bà N không trả cho bà X như thỏa thuận. Ông H yêu cầu bà N trả cho bà X tổng số tiền gốc và lãi là 63.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 5 năm 2022 bà N thừa nhận tiền hụi của bà X 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà N trả cho bà X mỗi ngày 350.000 đồng, trả trong 6 tháng dứt nợ. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2022 bà N cho rằng từ trước đến nay bà N không có vay tiền của bà X. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 5 năm 2022 bà N thừa nhận có nhận 50.000.000 đồng tiền hụi của bà X và thỏa thuận thời gian mỗi ngày bà N trả cho bà X 350.000 đồng, trả trong 06 tháng và tại biên bản hòa giải nêu trên bà N thừa nhận biên nhận ngày 8 tháng 10 năm 2015 âm lịch do bà X cung cấp là do bà N viết; nội dung biên nhận thể hiện: *"Tôi Phạm Thị N – có nhận X – Tiền là 50.000.000 viết bằng chử - Năm mươi triệu chẳn 1 ngày góp 350.000 – cho đến 6 tháng."*. Từ đó có cơ sở xác định bà N có nhận của bà X số tiền là 50.000.000 đồng. Bà N cho rằng đã góp cho bà X hàng ngày tổng số tiền bà đã trả góp cho bà X 50.000.000 đồng, bà X không thừa nhận việc bà N đã trả góp cho bà X số tiền 50.000.000 đồng. Bà N cho rằng đã trả cho bà X tổng 50.000.000 đồng nhưng bà N không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của

bà N nên lời trình bày của bà N là không có cơ sở chấp nhận. Bà N vay tiền của bà X từ ngày 08 tháng 10 năm 2015 đến nay đã hơn 06 năm mà bà X chỉ yêu cầu bà N trả tiền lãi với số tiền 13.000.000 đồng là không vượt lãi suất theo quy định của Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị N trả số tiền 63.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Bùi Thị X được chấp nhận nên bà X không phải chịu án phí, bà X nộp tiền tạm ứng án phí 1.575.000 đồng được nhận lại. Bà Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị X. Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị X số tiền 63.000.000 đồng (sáu triệu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Bà Bùi Thị X không phải chịu án phí, bà X đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017804 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà X được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều